

# GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG KHI LY HÔN TRONG TRƯỜNG HỢP VỢ CHỒNG SỐNG CHUNG VỚI GIA ĐÌNH

LÊ TIẾN DƯƠNG  
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 29/4/2026. Sửa chữa xong 25/5/2026. Duyệt đăng 30/5/2026.

## **Abstract**

*This article analyzes property disputes between spouses upon divorce in cases where they cohabit with their families, as regulated by the Law on Marriage and Family 2014. The discussion categorizes cases into two primary situations: when the spouses' property can be identified within the family's common property and when it cannot. In addition to examining current legal provisions, this article presents practical examples from adjudicated court decisions. Based on this analysis, the author proposes solutions to improve the law and ensure fairness and protection of rights in the division of property upon divorce.*

**Keywords:** Cohabitation with family, common property of spouses, divorce, property dispute resolution.

## **1. Đặt vấn đề**

Trong bối cảnh ly hôn, vấn đề xác định tài sản của vợ chồng trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình trở thành một thách thức lớn bắt nguồn từ việc khi các bên sống chung, tài sản chung của vợ chồng đã bị trộn lẫn với khối tài sản chung của cả gia đình. Có thể nói đây là một vấn đề nhạy cảm vì việc phân định tài sản không chỉ liên quan đến quyền lợi của hai vợ chồng mà còn ảnh hưởng đến các thành viên khác, dễ dẫn đến mâu thuẫn và tranh chấp. Hiện nay theo quy định của pháp luật Việt Nam, việc phân chia tài sản khi vợ chồng ly hôn mà ở chung với gia đình thường được xử lý khác nhau đối với từng trường hợp đó là dựa trên căn cứ liệu phần tài sản chung của vợ chồng có thể xác định được hay không xác định được từ khối tài sản chung của gia đình.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp về tài sản của vợ chồng khi ly hôn trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình**

#### **2.1.1. Trường hợp tài sản của vợ chồng có thể xác định được trong khối tài sản chung của gia đình khi vợ chồng ly hôn mà sống chung với gia đình**

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 61 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, trường hợp vợ chồng chung sống cùng gia đình mà phần tài sản của họ trong khối tài sản chung của gia đình có thể xác định được, thì khi ly hôn, phần tài sản này sẽ được tách ra khỏi khối tài sản chung và chia theo quy định tại Điều 59 của Luật (Luật Hôn nhân và gia đình, 2014). Việc xác định tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình “theo phần” được hiểu là phần tài sản này phải được làm rõ dưới hình thức hiện vật, bằng một số tiền cụ thể hoặc theo một tỷ lệ phần quyền sở hữu là bao nhiêu trong khối tài sản chung. Sau khi xác định được chính xác giá trị tài sản mà vợ chồng sở hữu trong khối tài sản chung, tài sản đó sẽ được trích ra và chia theo nguyên tắc về chia tài sản khi ly hôn được quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khi đề cập đến vấn đề “có thể xác định được” tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình khi vợ chồng ly hôn mà sống chung với gia đình, chúng ta

Email: duonglt@gmail.com

đang bàn về khả năng xác định một cách rõ ràng và minh bạch đâu là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng trong một môi trường sống phức tạp như gia đình đa thế hệ. Việc xác định tài sản ở đây đòi hỏi các yếu tố chứng minh cụ thể, bao gồm: nguồn gốc hình thành, sự đóng góp của các bên, và đặc biệt là ý chí và thỏa thuận của vợ chồng về tài sản đó.

Để xác định được phần tài sản chung của vợ chồng từ khối tài sản của gia đình, có thể nói trách nhiệm chứng minh là một trong những yếu tố then chốt. Về nguyên tắc, người nào đưa ra yêu cầu về quyền sở hữu thì người đó phải có nghĩa vụ chứng minh. Trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình, điều này có nghĩa là nếu một trong hai bên vợ hoặc chồng cho rằng một tài sản cụ thể là tài sản chung, họ phải cung cấp bằng chứng rõ ràng về việc mình đã góp tiền, công sức hoặc tài sản riêng để hình thành nên tài sản đó. Bằng chứng này có thể là hợp đồng, giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, chứng từ tài chính, hoặc thậm chí là lời khai của các thành viên trong gia đình.

Ví dụ như trong sự việc thuộc bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk:

Nội dung của vụ án này bắt nguồn từ việc Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Đức M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn hai người về sống chung với bố mẹ đẻ anh M là ông Hoàng Thế U và bà Lê Thị C tại thôn 0, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng chị T và anh M đã tạo dựng được các tài sản bao gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng; số tiền 21.000.000 đồng; 01 tivi hiệu Asanezo 32 inch; 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung; 01 bếp ga hiệu Taka; 01 tủ và 01 quạt treo tường với tổng trị giá khoảng 41.350.000 đồng. Những tài sản này hiện nay đang do bà Lê Thị C (mẹ anh M) quản lý.

Trước đây trong bản án sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 01/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã không chấp nhận yêu cầu chia phần tài sản này và đã không tiến hành xác minh nguồn gốc tài sản, chưa xác định tình trạng hiện tại của các tài sản này (Bản án số 34/2019/HNGĐ-PT, 2019). Do đó, sau khi có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có yêu cầu hủy phần tài sản của bản án cấp sơ thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm đã xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không tiến hành xác minh, thẩm định đầy đủ chứng cứ mà chị T cung cấp, cụ thể ở đây đó là hóa đơn xác nhận mua hàng của Cửa hàng điện máy S, bản dịch file ghi âm cuộc hội thoại giữa chị T và anh M, chị T và bà C có nội dung liên quan đến số tiền, vàng và tài sản. Có thể thấy ở trong vụ án này, những hóa đơn mua sắm tài sản và các cuộc nói chuyện có ghi âm có thể được coi là những căn cứ giúp chị T chứng minh được nguồn gốc của phần tài sản nói trên là tài sản chung của hai vợ chồng, tách biệt nó ra khỏi khối tài sản của gia đình.

Từ căn cứ đó, sau khi Tòa án phúc thẩm tuyên xử hủy phần Quyết định về tài sản và chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm để xét xử lại, tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2020/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã xác định phần tài sản nói trên là tài sản chung của vợ chồng chị T và tiến hành chia theo nguyên tắc quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 (Bản án số 31/2020/HNGĐ-ST, 2020).

*2.1.2. Trường hợp tài sản của vợ chồng không thể xác định được trong khối tài sản chung của gia đình khi vợ chồng ly hôn mà sống chung với gia đình*

Theo Khoản 1, Điều 61 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, trong trường hợp vợ chồng chung sống với gia đình mà khi ly hôn, phần tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không thể xác định được, thì vợ hoặc chồng sẽ được chia một phần tài sản từ khối tài sản chung này dựa trên mức độ đóng góp của họ vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản, cũng như dựa trên sự tham gia của họ trong đời sống chung của gia đình (Luật Hôn nhân và gia đình, 2014). Việc phân chia này trước hết phải dựa trên sự thỏa thuận giữa vợ, chồng và các thành viên khác trong gia đình; nếu không đạt được sự thỏa thuận, Tòa án sẽ căn cứ vào các yếu tố liên quan để giải quyết. Trong đó, có thể hiểu cụm từ "tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không xác định được" là nhằm chỉ trường hợp mà việc chứng minh sự đóng

góp của vợ hoặc chồng một cách cụ thể, chính xác thông qua các tỷ lệ, giá trị hoặc hiện vật là không khả thi do thiếu bằng chứng rõ ràng hoặc không thể lượng hóa được bằng các con số cụ thể.

Sự nhập nhằng giữa tài sản gia đình và tài sản chung này xảy ra khi vợ chồng sống cùng bố mẹ hoặc các thành viên khác trong gia đình và cùng nhau sử dụng, đầu tư vào các tài sản chung như đất đai, nhà cửa, hoặc cơ sở kinh doanh của gia đình nhưng lại không có sự tách bạch rõ ràng về quyền sở hữu. Khi mà các khoản đóng góp này thường được thực hiện mà không có văn bản pháp lý mà chỉ đơn thuần dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau và trách nhiệm giữa các thành viên gia đình. Vì vậy, khi ly hôn, rất khó để xác định đâu là phần đóng góp của vợ chồng, đâu là phần sở hữu của cả gia đình.

Ví dụ như trong trường hợp anh A và chị B kết hôn sau thời gian đầu ở riêng thì cả hai vợ chồng có bàn với bố mẹ chồng là Anh A và chị B sẽ bỏ tiền ra để xây một căn nhà trên mảnh đất mà hiện nay bố mẹ anh A đang đứng tên, sau đó cả đại gia đình sẽ chuyển về căn nhà đó sống cùng nhau. Xuất phát từ sự tin tưởng, tình cảm gia đình và tại thời điểm xây nhà thì cả chị B lẫn anh A đều không nghĩ đến việc một ngày hai bên sẽ ly hôn nên căn nhà được xây xong mà không có một biên bản thoả thuận nào giữa các bên về việc số tiền xây nhà được lấy từ tài sản chung của vợ chồng anh A và chị B. Sau này do mâu thuẫn nên anh A và chị B có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, tuy nhiên khi xử lý về tài sản chung của hai vợ chồng thì dù chị B cho rằng căn nhà đó là tài sản chung và yêu cầu chia nhưng gia đình anh A lại phản đối và cho rằng không có chứng cứ nào chứng minh điều đó đồng thời khẳng định căn nhà được xây trên đất của bố mẹ anh A nên đó là tài sản của họ chứ không phải tài sản chung của hai vợ chồng.

Trong vụ việc này, điểm đáng chú ý đó là ban đầu khi xây nhà, các bên lại không có một văn bản thoả thuận nào về việc mỗi bên đóng góp bao nhiêu tiền để xây căn nhà. Như vậy, trừ khi tại thời điểm hai bên ly hôn chị B có thể cung cấp một số chứng cứ để chứng minh về nguồn gốc của ngôi nhà như chứng từ mua bán vật liệu xây dựng, hợp đồng lao động với những người thi công, hoặc các bằng chứng cho thấy chi phí xây dựng được chi trả từ nguồn tài chính là tài sản của vợ chồng thì khi ly hôn, Tòa án sẽ rất khó xác định đây là tài sản chung của vợ chồng để tiến hành chia.

Một điểm hạn chế trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay có thể được thấy rõ qua ví dụ nêu trên, đó là sự khác biệt trong quy định về đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Theo Luật Đất đai năm 2013 và cả Luật Đất đai năm 2024, việc đăng ký quyền sử dụng đất là bắt buộc đối với người sử dụng đất. Tuy nhiên, đối với quyền sở hữu nhà ở, pháp luật hiện hành chỉ tiến hành đăng ký khi chủ sở hữu có yêu cầu [5]. Quy định này đã và đang tạo ra những khó khăn và bất cập trong việc xác định quyền tài sản, đặc biệt là khi giải quyết các tranh chấp về HN&GD, do thiếu tính đồng bộ và bắt buộc trong việc công nhận quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất. Điều này không chỉ làm phức tạp quá trình phân chia tài sản mà còn gây ra những khó khăn trong việc xác định giá trị và quyền sở hữu tài sản của các bên liên quan.

Như vậy, khi mà không thể xác định được phần tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của cả gia đình thì khi giải quyết về tài sản trong trường hợp hai bên ly hôn, trước hết sẽ được dựa trên sự thoả thuận của các bên. Việc thoả thuận này không chỉ giúp phản ánh chính xác sự đóng góp thực tế của từng thành viên mà còn hạn chế các tranh chấp phát sinh khi ly hôn. Tuy nhiên, trên thực tế, sự thoả thuận thường rất khó đạt được do mâu thuẫn về quyền lợi và sự phức tạp trong việc định giá tài sản.

Phương án thứ hai có thể được áp dụng đó là trong trường hợp các bên không đạt được sự thoả thuận và phải yêu cầu Tòa án phân xử về vấn đề tài sản, việc phân chia sẽ dựa trên nguyên tắc đánh giá mức độ công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung, cũng như sự tham gia của họ vào đời sống chung của gia đình. Sự đóng góp vào khối tài sản chung có thể được hiểu là sẽ bao gồm cả sự đóng góp về tài chính hay sự đóng góp phi tài chính. Nói cách khác, sự đóng góp này sẽ là sự đóng góp về tài sản riêng, thu nhập, công việc gia đình và công sức lao động của vợ, chồng trong quá trình tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung (Thông tư liên tịch số 01/2016). Cụ thể, trường hợp người vợ hoặc chồng ở nhà chăm sóc con cái và lo liệu công việc gia đình mà không tham gia lao động kiếm thu nhập vẫn được coi là có đóng góp tương đương với thu nhập của người chồng hoặc vợ đi làm. Nguyên tắc này đảm bảo rằng bên nào có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được phân chia phần tài sản lớn hơn tương ứng. Do đó, sự đóng góp vào khối tài sản chung, dù được thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm cả

trực tiếp hay gián tiếp, từ lao động sản xuất đến các hoạt động nội trợ như chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái, hay việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, ông bà (kể cả giai đoạn thai sản), đều được xem là các hoạt động góp phần vào việc hình thành và duy trì khối tài sản chung của vợ chồng.

Ví dụ: anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H, sau khi kết hôn vào năm 2014, đã chuyển về sống chung với bà C (mẹ của anh N). Đến năm 2019, anh N khởi kiện ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không thể hòa giải. Khi vụ việc được Tòa án thụ lý, chị H đã yêu cầu được trích chia công sức đóng góp của mình vào khối tài sản chung với tổng số tiền 150 triệu đồng, viện dẫn rằng từ năm 2014 đến 2019, chị đã đưa cho mẹ chồng mỗi tháng từ 3 đến 4 triệu đồng để chi tiêu cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Tuy nhiên, do không có bất kỳ tài liệu hay chứng cứ nào chứng minh việc giao tiền, bởi lẽ khi chị H đưa tiền cho mẹ chồng và chồng, hai bên không lập giấy tờ ký nhận, Tòa án đã không đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu 150 triệu đồng mà chỉ chấp nhận một phần, với mức chi trả 15 triệu đồng để ghi nhận công sức đóng góp của chị H vào đời sống chung bởi trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, anh N và bà C đã thừa nhận rằng chị H có đưa tiền cho gia đình trong thời gian chung sống (Bản án số 26/2019). Có thể nói, trong vụ án này, Tòa án đã tiến hành giải quyết dựa trên sự thừa nhận của các bên về sự đóng góp thực tế của chị H trong việc duy trì sinh hoạt gia đình.

Một ví dụ cụ thể khác có thể được kể đến đó là vụ án của anh Đinh Văn Q và chị Cẩm Thị S. Hai bên kết hôn từ năm 2004 và chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng đến năm 2008 thì ra ở riêng, đến đầu năm 2014 thì mới chuyển lại về nhà của bố mẹ chồng. Trong yêu cầu giải quyết ly hôn thì chị S có đề nghị được chia số tài sản chung cùng gia đình chồng trong thời gian vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng và có cùng nhau tạo dựng, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình bao gồm bốn con trâu và hai con lợn. Tuy nhiên, anh Q và bà O (mẹ của anh Q) đều không đồng ý với yêu cầu được chia một phần giá trị trong khối tài sản chung của chị S vì cho rằng số trâu, lợn đang có hiện tại là tài sản của bố mẹ chồng chứ không phải tài sản chung của vợ chồng anh Q và chị S. Dù vậy, trong quá trình giải quyết, Tòa án, sau khi đánh giá các chứng cứ và tình tiết liên quan, đã xác định rằng chị S cũng có đóng góp công sức vào việc duy trì và phát triển số tài sản nói trên trong quá trình chung sống với gia đình chồng. Do đó, Tòa án quyết định chấp nhận một phần yêu cầu của chị S và buộc bà O phải thanh toán cho chị S một khoản tiền tương đương với phần giá trị công sức mà chị đã đóng góp, cụ thể là 13,7 triệu đồng (Bản án số 02/2021).

Có thể nhận thấy rằng, việc xác định phần tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình khi sống chung và khi ly hôn là một vấn đề phức tạp và khó khăn. Nguyên nhân chính của sự phức tạp này xuất phát từ thực tế là trong quá trình chung sống, các khoản đóng góp của vợ hoặc chồng thường không được ghi nhận một cách minh bạch và cụ thể, do tâm lý “của chung” và trách nhiệm với gia đình. Điều này dẫn đến hệ quả là khi ly hôn, việc xác định phần tài sản của từng bên theo nguyên tắc “công sức đóng góp” trở nên đặc biệt khó khăn, nhất là đối với các đóng góp phi tài chính như việc chăm sóc con cái, lo toan công việc nội trợ hay chăm sóc người già trong gia đình.

Hơn nữa, trong bối cảnh pháp luật hiện hành vẫn chưa có quy định cụ thể và rõ ràng về việc đánh giá công sức đóng góp này, cùng với việc thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết, việc xác định “công sức đóng góp” của mỗi bên thường chỉ mang tính chất định tính và được xem xét một cách khái quát.

## **2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp về tài sản của vợ chồng khi ly hôn trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình**

### **2.2.1. Nâng cao và đảm bảo chất lượng xét xử của tòa án các cấp**

Thực tế từ các bản án cho thấy, ở một số địa phương, khi Tòa án xét xử sơ thẩm các vụ án ly hôn vẫn còn có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng khi giải quyết phần tài sản của vợ chồng bị hoà lẫn với khối tài sản chung khi vợ chồng sống chung với gia đình. Dẫn đến việc không đảm bảo được quyền lợi cho các bên trong vụ án ly hôn. Hơn nữa, trong bối cảnh mà việc chia theo mức độ công sức đóng góp vẫn còn mơ hồ vì sẽ rất khó để có thể ban hành các quy định cụ thể về việc đối với các trường hợp thì sẽ được chia ở mức độ thế nào, tỷ lệ ra sao, giá trị bao nhiêu,... Hiện nay, việc phân chia này sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào

thẩm phán và thẩm phán hoàn toàn có thể ra một phán quyết khiến phần tài sản được chia hoàn toàn có thể không tương xứng với tỷ lệ công sức đóng góp của người được chia. Xuất phát từ những nguyên do đó, vẫn sẽ cần thiết phải mở nhiều hơn nữa các lớp đào tạo nghiệp vụ để có thể nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ ngành Tòa án, giúp đảm bảo cho các vụ án được xét xử một cách công minh nhất.

#### 2.2.2. Bổ sung quy định về đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Pháp luật về đăng ký đất đai trong thời gian tới cần phải được sửa đổi theo hướng: Khi có tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình xây dựng và các tài sản khác gắn liền với đất thì bắt buộc chủ sở hữu phải thực hiện việc đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình xây dựng được đăng ký đầy đủ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ dễ dàng xác định và chứng nhận quyền sở hữu của từng bên. Điều này giúp tránh được tình trạng mập mờ về quyền sở hữu, nhất là trong trường hợp tài sản được tạo lập trên phần đất không thuộc quyền sở hữu của chủ tài sản, như trường hợp vợ chồng xây nhà trên đất của bố mẹ. Lúc này, việc có giấy tờ đăng ký sở hữu sẽ là bằng chứng pháp lý rõ ràng để xác định phần tài sản của vợ chồng, không bị nhầm lẫn với tài sản của bố mẹ hay tài sản của đại gia đình, từ đó giảm thiểu những tranh chấp tiềm tàng khi xảy ra tình huống ly hôn.

#### 2.2.3. Mở rộng khái niệm về “công sức đóng góp”

Hiện nay, trong trường hợp phần tài sản của vợ chồng là không xác định được và sẽ được chia theo công sức đóng góp của các bên thì với những đóng góp phi tài chính như công việc nội trợ, lao động trong gia đình, Tòa án chủ yếu tập trung vào việc đánh giá những đóng góp phi tài chính mà có thể “nhìn thấy được”, để xác định phần đóng góp vào khối tài sản chung. Tuy nhiên, các yếu tố mang tính chất “không nhìn thấy được” vẫn chưa được cân nhắc một cách đầy đủ. Cụ thể, khi giải quyết các tranh chấp về tài sản, Tòa án thường chỉ xem xét các đóng góp có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến quá trình tạo lập và phát triển khối tài sản chung, mà chưa chú trọng đến các yếu tố vô hình như sự hy sinh cá nhân hay các cơ hội kinh tế bị bỏ lỡ. Ví dụ, một bên phải rời bỏ thị trường lao động để tập trung chăm sóc hoặc phụ giúp cho công việc của gia đình, điều này có thể làm suy giảm tiềm năng phát triển nghề nghiệp và thu nhập của họ trong tương lai. Việc không tính đến những tổn thất lâu dài và các tác động ngoài lề của các quyết định này dẫn đến sự bất cập trong việc đánh giá toàn diện giá trị công sức đóng góp của các bên, dẫn đến việc những đóng góp phi tài chính bị đánh giá thấp hơn so với đóng góp về tài chính khi Tòa án giải quyết tranh chấp về tài sản khi ly hôn. Do đó, việc sửa đổi quy định pháp luật trong tương lai cần mở rộng hơn về khái niệm “công sức đóng góp” và Tòa án cần có cái nhìn toàn diện hơn, không chỉ giới hạn ở những giá trị “thấy được” mà còn phải đánh giá đúng các yếu tố như sự mất mát về cơ hội, những năm tháng bị gián đoạn trong sự nghiệp, cũng như những thiệt thòi lâu dài về khả năng tài chính sau này. Việc này sẽ đảm bảo rằng khi phân chia tài sản, quyền lợi của cả hai bên đều được bảo vệ một cách công bằng và cân đối.

### 3. Kết luận

Việc giải quyết tranh chấp tài sản của vợ chồng khi ly hôn trong trường hợp sống chung với gia đình là một vấn đề phức tạp trong thực tiễn pháp luật Việt Nam. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã đặt ra hai trường hợp xử lý tùy thuộc vào việc tài sản của vợ chồng có thể xác định được hay không trong khối tài sản chung của gia đình. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy vẫn còn nhiều bất cập. Từ thực tiễn đó, cần nâng cao chất lượng xét xử, bổ sung quy định bắt buộc đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, và mở rộng khái niệm “công sức đóng góp” để bảo vệ quyền lợi công bằng cho các bên khi ly hôn.

#### Tài liệu tham khảo

- Quốc hội. (2013). *Luật Đất đai*. Luật số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013.
- Quốc hội. (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình*. Số 52/2014/QH13, ngày 19/06/2014.
- Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (2019). *Bản án số: 34/2019/HNGĐ-PT, ngày 01/11/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình*.
- Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk (2020). *Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST, ngày 28/8/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình*.
- Tòa án nhân dân huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên (2019). *Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST ngày 24/10/2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con*.
- Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (2021). *Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST, ngày 06/01/2021 về tranh chấp xin ly hôn*.
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp (2016). *Thông tư liên tịch Số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình*.